TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1028 /2025/DS – ST
Ngày: 18-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Thanh Thu

2/ Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Nguyệt Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Công ty X;

Trụ sở: 91 Pasteur, phường A, Tp.HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 đường Tr, Phường T, Tp.HCM.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024)

Bị đơn: Bà Nguyễn Tâm Đ, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: 88/4 (Ấp V, xã T, huyện H cũ), nay là Ấp 55, xã B, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao mộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 17/10/2023 Công ty X và bà Nguyễn Tâm Đ có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4998804 ngày 17/10/2023 (sau đây ghi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Tâm Đ với nội dung như sau: Số tiền vay: 21.400.000 đồng (bao gồm số tiền giải ngân là 20.000.000 đồng và 1.400.000 đồng phí bảo hiểm); Thời hạn vay: từ ngày 25/11/2023 đến ngày 25/10/2024; Lãi suất: 55%/năm (một năm tương đương 365 ngày);Số kỳ thanh toán: 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán 2.520.323 đồng.

Nguyên đơn đã giải ngân theo phiếu báo nợ ngày 18/10/2023 vào tài khoản số 19029141825010 tại Ngân hàng N theo Điều 7 hợp đồng tín dụng.

Sau khi được giải ngân bà Đ đã thanh toán 1 kỳ với 3,535,728 đồng (Trong đó: Gốc đã trả: 996,781 đồng; Lãi đã trả 2,515,232 đồng; Lãi chậm trả đã trả: 11,715 đồng; Phí thu hộ đã trả 12,000 đồng). Tuy nhiên, bà Đ đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty X đã giải ngân nên kể từ ngày 25/12/2023 (kỳ thanh toán thứ 2) công ty bắt đầu tính nợ quá hạn.

Công ty X đã tiến hành liên hệ đề nghị bà Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Đ vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty X.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Tâm Đ thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2025 là: 48,503,369 đồng.Trong đó: Số dư nợ gốc: 20,403,219 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6,062,719 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 21,157,740 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 879,691 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc cá nhân bà Nguyễn Tâm Đ phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Tâm Đ vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn cư trú tại 88/4 (Ấp V, xã T, huyện H cũ), nay là Ấp 55, xã B, Tp.HCM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 4998804 ngày 17/10/2023, Bản điều khoản và điều kiện cho vay, điều lệ Công ty X, lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, bảng kê tính lãi của bà Nguyễn Tâm Đ và các tài liệu khác do Công ty X cung cấp và lời khai của Công ty X thì có cơ sở xác định: Ngày 17/10/2023, Công ty X ký Hợp đồng tín dụng số: 4998804, Bản điều khoản và điều kiện cho vay (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Tâm Đ với khoản vay trị giá 21,400,000 đồng (bao gồm số tiền giải ngân là 20,000,000 đồng và 1,400,000 đồng phí bảo hiểm); Thời hạn vay: từ ngày 25/11/2023 đến ngày 25/10/2024; Lãi suất: 55%/năm (một năm tương đương 365 ngày); Số kỳ thanh toán: 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán 2,520,323 đồng. Ngày 18/10/2023, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Tâm Đ vào số tài khoản số 19029141825010 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Tâm Đ có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng theo lịch thanh toán trong kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 25/11/2023 đến ngày 25/10/2024 cho Công ty. Sau khi được giải ngân bà Nguyễn Tâm Đ đã thanh toán tổng số tiền là 3,535,728 đồng (Trong đó: Gốc đã trả: 996,781 đồng; Lãi đã trả 2,515,232 đồng; Lãi chậm trả đã trả: 11,715 đồng; Phí thu hộ đã trả 12,000 đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 25/12/2023, bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả góp theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Như vậy, tính đến ngày 18/9/2025, tổng số tiền bà Đ còn nợ là: 48,503,369 đồng, trong đó: Số dư nợ gốc: 20,403,219 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6,062,719 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 21,157,740 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 879,691 đồng.

[3.3] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X và buộc bà Đ trả cho Công ty X số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2025 là: 48,503,369 đồng.Trong đó: Số dư nợ gốc: 20,403,219 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6,062,719 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 21,157,740 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 879,691 đồng. Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Tâm Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2,425,168 (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi tám) đồng. Trả lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

1.1. Bà Nguyễn Tâm Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2025 là: 48,503,369 đồng.Trong đó: Số dư nợ gốc: 20,403,219 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6,062,719 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 21,157,740 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 879,691 đồng.

Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Ngoài ra, bà Nguyễn Tâm Đ còn phải trả cho Công ty X tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo mức lãi suất quy định của Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 4998804 ngày 17/10/2023 giữa Công ty X và bà Nguyễn Tâm Đ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2,425,168 (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi tám) đồng do bà Nguyễn Tâm Đ chịu.

Hoàn lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 723,293 đồng (Bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm chín mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0083095 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VSKND KV8-TP.HCM;
- Phòng THADS KV8-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quỳnh Mai Trinh